

## Phản hồi bài của Gs Vũ Văn Mẫu

Gs Vũ Văn Mẫu với thiên vị

Khi Gs Vũ Văn Mẫu viết về Dự số 10 này thì ông đã quên đặt Dự số 10 trong một bối cảnh lịch sử của Việt Nam vào năm 1950 và ông cũng đã quên mất cái địa vị của ông trong suốt chiều dài của cuộc đời Vũ Văn Mẫu, xuyên qua bao nhiêu chức vụ quan trọng từ Thủ Tướng chính phủ, Bộ Trưởng Ngoại Giao, Thượng Nghị sĩ, Giáo sư, Khoa trưởng Trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn..., toàn là những chức vụ to lớn liên quan mật thiết với luật pháp, hằng ngày cứ ra khỏi cửa là đụng đến luật pháp thì có bao giờ ông nghĩ tới, hay nói một lời nào trong khi ông dạy dỗ hàng chục ngàn sinh viên luật để sau này họ là rường cột của Tổ Quốc cho họ biết rằng đã có những khiếm khuyết về luật pháp trong chính quyền nơi mà ông làm thầy, nơi mà ông ở những vị trí hàng đầu của một Quốc gia hay không?

Hay là khi ông đã thấy người Mỹ đã bật đèn xanh cho các tướng lãnh hành động, lúc đó ông mới cạo tóc đầu chạy theo, chống lại chính người đã tin mình, nuôi sống mình và dòng họ mình; đến bây giờ ông chỉ gọi những vị ấy bằng một tên trống không, không một chút kính trọng : như khi ông viết TT Ngô Đình Diệm, ông chỉ viết Ngô Đình Diệm, ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu ông chỉ viết Ngô Đình Nhu, nghe giống như lũ vô loài VC hay những tên đầu đường xó chợ, hay những tên vô học mà ông đã thường thấy trên báo chí hay trên những email này.

Thưa Gs, tôi tin chắc chắn rằng vào những thời điểm trước năm 1963 chẳng bao giờ dù trước mặt hay sau lưng TT Ngô Đình Diệm hay ông CV Ngô Đình Nhu mà Giáo sư lại dám gọi xách mé Ngô Đình Diệm hay Ngô Đình Nhu như bây giờ, hay là lúc đó thì một điều thưa hai điều kính. Thật là đáng buồn cho một Đỉnh cao Trí Thức! !

Thưa ông, khi ông viết một bài về sự thiên vị trong Hiến Pháp năm 1956, ông đã cố ý lách một mũi dao nhọn vào câu giải thích vao phần mở đầu. Xin trích như sau:

"Trong đoạn văn trích dẫn này, phần mở đầu của Hiến pháp 1956 đã đề cập đến “sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa” [chứ không phải trước dân tộc], tức là trước Đức Chúa trời trong Thiên Chúa giáo, mà không đề cập tới các tôn giáo khác.

Thưa Gs Sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa khác với Sứ mạng trước Dân Tộc. Sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa là Sứ Mạng trước Trời Đất mang tính chất thiêng liêng cao cả, vượt lên khỏi sự sống thể tục ở đời này. Người Việt ta nói: Ông Trời sinh ra. Tại Ông Trời. Bắc thang lên hỏi Ông Trời...Trời ơi sao người ta sướng thế mà còn cạo đầu...nghĩa là Ông Trời ở đây cũng là một Đấng Thiêng liêng, Cao cả Quyền Phép. Vậy thì Đấng Tạo Hóa hay Ông Trời ở đây cùng mang tính thiêng liêng, vô hình của người Việt Nam, đâu có nhất thiết Đấng Tạo Hóa là chỉ có ở đạo Thiên Chúa đâu. Do đó dung chữ Đấng Tạo Hóa ở đây cao hơn chữ Dân Tộc như Gs đề

ngộ. Để làm sang tỏ hơn, tôi xin đưa ra một câu thơ mà bất cứ một học sinh nào cũng biết:

Tạo Hóa gây chi cuộc hí trường  
Đến nay thâm thoát mấy tinh sông....

Thưa Gs, tác giả bài thơ này, Bà Huyện Thanh Quan không thể là một người theo Thiên Chúa Giáo vì vào thời ấy chắc chắn tác giả không hề biết đến đạo Gia tô đâu. Nếu theo lý luận của Gs thì chẳng lẽ câu thơ ấy có ý nghĩa giống như câu thơ sau:

“Thiên Chúa gây chi cuộc hí trường” hay sao?

Hoặc Cụ Tiên Điền viết:

“Thử xem Con Tạo xoay vần ra sao” cũng là cụ Tiên Điền cũng thiên vị Thiên Chúa Giáo sao?

Đến đây chắc Gs thấy rõ là Hiến Pháp 1956 không có ý gì gọi là thiên vị đạo Thiên Chúa

Nhưng mũi dao nhọn ở đây không phải ở chỗ đó mà là chỗ **TRƯỚC ĐÁNG TẠO HÓA TỨC LÀ TRƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG THIÊN CHÚA GIÁO**. Chính Gs đã có thiên kiến và cố tình viết như vậy để người đọc thấy rõ ràng là bản Hiến Pháp 1956 đã thiên vị. Đây là mũi **DAO NHỌN** Nếu không có mũi dao nhọn này thì sự thiên vị mất hết ý nghĩa.

Còn nói về bối cảnh lịch sử khi dự 10 va sau này Hiến Pháp 1956 ra đời thì Phật Giáo ở Việt Nam chưa bao giờ có một tổ chức có hệ thống để được gọi là **GIÁO HỘI** Phật Giáo. Nhưng vào thời điểm 1963 thì phe Ân Quang tự ý nêu danh là **Giáo Hội Phật Giáo** để thu hút, tập hợp những người theo Phật giáo lập thành một lực lượng đấu tranh theo kiểu CS. Chắc Gs đã quên mất yếu tố đó cho nên chính phủ thời đó mới áp dụng Dự số 10. Thế mà Gs lại viết như sau :

“Ở đây trong các **GIÁO HỘI HAY CÁC TỔ CHỨC TRONG PHẬT GIÁO**, thiếu hẳn sự thỏa thuận lập hội trong tâm trí của các Phật tử, thì làm sao gọi được là hội để áp dụng Dự Số 10? Bắt buộc Giáo Hội Phật giáo Việt Nam phải tuân theo Dự số 10? như một hội khuyến khích thể thao hay một hội văn hóa là một hành động ngu dốt của chính quyền”

Như trên đã phân tích thì vào thời điểm đó Phe Ân Quang tự xưng là giáo hội Phật Giáo nhằm lôi cuốn nhiều người trong đó có rất nhiều người xưa kia chỉ là thờ Ông Bà, tối tối thắp mấy nén nhang ra bàn Thiên để ở giữa sân khấn lạy Trời Đất cũng nghĩ rằng mình là đạo Phật và bị khối Ân Quang lôi cuốn.

Sự kiện 1963 cũng là một cơ hội tốt để Phật Giáo Việt Nam thiết lập thành một khối có tổ chức

Chính 1 số người theo khối Án Quang rất đông đảo đã tạo nên một lực lượng đáng kể đối lập với chính quyền vào thời đó.

Mặt khác, có những vấn đề gọi là thực tế lịch sử như trường hợp đất Chân Lạp thời xưa, nay là đất Việt Nam mà hiện nay Quốc tế công nhận một cách đương nhiên, không thắc mắc. Bây giờ Trung Cộng cũng đang muốn chơi cái trò đó đối với Hoàng sa của Việt Nam để biến thành những thực tế lịch sử nghĩa là cái trò nói nôm na là "lâu cút trâu hóa bùn".

Hiện tượng Án Quang vào thời đó là một thực tế của lịch sử ở giai đoạn đầu tiên đề tự nhiên sẽ đưa đến một thực tế lịch sử là trở thành một Hội đoàn không có giấy phép hoạt động và họ đã thành một hội đoàn thực sự sau này cho nên chính quyền đã áp dụng Dự Số 10 là đúng. Chỉ huy là phải phối hợp và tiên liệu và họ đã tiên liệu đúng. Đó là một cấp chỉ huy tốt.

Vào lúc đó, Phe Án Quang tự động tập hợp một số đông người như vậy mà không có giấy phép là trái phép thì phải giải quyết như thế nào? Thưa Gs.

Trường hợp có nguy hiểm đến an ninh Quốc Gia thì phải làm thế nào? Thưa Gs.

Hành động cạo đầu của Gs là tôi biết những trả lời của Gs sẽ là những hành động của phe đảo chánh là đúng và kết quả là sẽ đi dần vào quỹ đạo của Mỹ để sau này thỏa hiệp với VC và đưa đất nước đến thảm bại như ngày hôm nay.

Còn nói đến yếu tố chính yếu là ý muốn lập hội thì: (Theo ý kiến của Gs thì phải có ý muốn lập hội (Animus societatis hay affectio societatis) của các đương sự mới có thể nói đến hội. Thiếu yếu tố ấy như trong cộng đồng Phật tử, không thể nào nói đến hội hay hiệp hội.)

Thưa Gs, người ta không thể dựa vào kẽ hở của luật pháp để làm loạn, để lại dờ dờ cướp nước.

- Muốn Sinh hoạt như một hội thì phải có giấy phép mới được sinh hoạt

- Nếu còn muốn sinh hoạt mà không có giấy phép thì phải dẹp vì đất nước phải có kỷ cương không thể muốn làm gì thì làm, muốn đem CS vào thì đem, thì rõ ràng là không thể chấp nhận được.

Còn làm theo Chính quyền đó theo Gs là một hành động ngu dốt.

Tôi chỉ là người dân thường nhưng là một chứng nhân của lịch sử, chỉ biết nhìn vào kết quả mà biết được sự đúng sai. Kết quả ấy là cả một dân tộc bị lầm than mà đến giờ này vẫn không thoát ra được.

Xin lại quả Gs những lời nói quá đáng đối với những người đã tin vào Gs mà đặt Gs ở những vị trí cao nhất nước

## Sự Thiên vị Thiên Chúa giáo về Phương diện Pháp lý

Vũ Văn Mẫu

Văn kiện pháp lý cơ bản trong một quốc gia là Hiến pháp. Hiến pháp qui định các quyền và nghĩa vụ của công dân, cũng như tổ chức bộ máy chính quyền trong nước, hiến pháp phải được tôn trọng triệt để. Luật pháp nào vi phạm vào hiến pháp sẽ bị coi là vi hiến và không có giá trị trên phương diện pháp lý.

Lần lượt trong đoạn này, sẽ xét hai vấn đề:

- Hiến pháp 1956 của nền Đệ nhất Cộng hòa có thiên vị Thiên Chúa giáo không?

- Luật pháp thông thường của nền Đệ nhất Cộng hòa có ưu đãi Thiên Chúa giáo không?

### A – Hiến Pháp 1956 và sự thiên vị Thiên Chúa giáo

Hiến pháp 1956 do Quốc hội biểu quyết ngày 20/10/1956 được Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 26/10/1956, thành lập nền Đệ nhất Cộng hòa. Hiến pháp 26/10/1956 gồm 98 điều, chia làm 8 thiên. Thiên thứ hai qui định về “Quyền lợi và nhiệm vụ của người dân” theo tinh thần bản tuyên ngôn nhân quyền quốc tế của tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Điều 17 của Hiến pháp Việt Nam 1956 đã được giáo sư Bửu Hội chiếu dẫn trước tổ chức Liên Hiệp Quốc để chứng minh rằng tại Việt Nam ... không có sự kỳ thị tôn giáo. Điều 17 này qui định như sau: “Mọi người dân đều có tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo và tự do truyền giáo, miễn là xử dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục.” Hiến pháp 26/10/1956 như vậy đã minh thị công nhận nguyên tắc tự do tín ngưỡng và bình đẳng giữa các tôn giáo.

Tuy nhiên trong phần “Mở đầu” của Hiến pháp, đã có một đoạn phản chiếu của một sự thiên vị Thiên Chúa giáo khá rõ rệt như sau:

“Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện....”

Trong đoạn văn trích dẫn này, phần mở đầu của Hiến pháp 1956 đã đề cập đến “sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa” [chứ không phải trước dân tộc], tức là trước Đức Chúa trời trong Thiên Chúa giáo, mà không đề cập tới các tôn giáo khác.

Đoạn văn này đã đượm sắc thái thiên vị Thiên Chúa giáo. Vô tình hay cố ý, đoạn văn này đã tạo cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi đặc biệt tại Việt Nam vì Hiến pháp 1956 nói rõ là nhằm mục đích hoàn thành sứ

mạng trước Chúa tức là Đấng Tạo hóa đã tạo dựng ra trời đất và vạn vật theo như Thánh kinh của Thiên Chúa giáo đã chép.

Sự thiên vị này cũng không có gì lạ vì chính em Tổng thống Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Nhu, giữ chức “cố vấn chính trị” bên cạnh tổng thống cũng như là một dân biểu đắc cử tại quận Vạn Ninh, Ninh Hòa (tỉnh Khánh Hòa) với tư cách ứng cử viên của đảng Cần Lao.

Vợ Ngô Đình Nhu là Trần Lệ Xuân cũng trúng cử dân biểu tại đơn vị 1 (các quận Gio Linh, Trung Lương, Cam Lộ và Hương Hóa - tỉnh Quảng Trị). Ngoài ra hầu hết các dân biểu khác đều là bộ hạ của gia đình họ Ngô.

Do đó lời mở đầu của Hiến pháp năm 1956 đã phản ánh một sự thiên vị đối với Thiên Chúa giáo là điều không có gì lạ, nhất là sự thiên vị này chỉ được đề cập đến trên một bình diện lý thuyết, không có những hậu quả như Dự số 10, biệt đãi Thiên Chúa giáo về phương diện thực tế.

#### B. - Dự số 10 và sự ưu đãi Thiên Chúa giáo

Trong nền luật pháp thông thường của nền Đệ nhất Cộng hòa, Dự số 10 ngày 6 tháng 8 năm 1950 là bản văn pháp luật đã bị dư luận chỉ trích rất nhiều, vì đã minh thị dành cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi và đồng hóa các tôn giáo khác, trong đó có Phật giáo, vào các hiệp hội mà sự thành lập cũng như các sinh hoạt khác phải tuân theo một sự quy định chặt chẽ. Sự hủy bỏ Dự số 10 này là một trong năm đòi hỏi của Phật giáo sau vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế.

Dự số 10 này đã được Bảo Đại ban hành từ ngày 6/8/1950 để quy định thể lệ lập hiệp hội (Association). Tại sao sự quy định này đã được áp cho tất cả các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng? Tại sao Ngô Đình Diệm không sửa đổi sự quy định ấy?

Các nét chính của Dự số 10:

- Điều thứ nhất của Dự số 10 đã định nghĩa thế nào là một hiệp hội và đồng thời hoạch định phạm vi áp dụng của Dự này :”Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích tế tư, tôn giáo, chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên thể thao và đồng hiệp ái hữu. Muốn có hiệu lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật và khế ước và nghĩa vụ.”

- Điều số 4 của Dự số 10 bắt buộc các hiệp hội phải được các Tổng trưởng Bộ Nội vụ ký nghị định cho phép thành lập mới được hoạt động. Nếu hiệp hội chỉ được hoạt động trong phạm vi một phần Việt Nam, thì nghị định cho phép thành lập do Thủ hiến ký chiếu ủy nhiệm của Tổng trưởng Bộ Nội vụ.

- Theo điều thứ 6, người sáng lập hội phải làm đơn xin phép thành lập kê rõ:

- Mục đích của hội
- Tên hiệu của hội
- Hạn điều ước
- Thẻ lệ vào hội, ra hội và trục xuất khỏi hội
- Nghĩa vụ và quyền lợi các hội viên.
- Tài sản của hội.
- Thẻ lệ về động sản và bất động sản của hội.
- Họ và tên tuổi của người sáng lập.
- Thẻ lệ về việc cử và bãi của những người quản trị và những quyền hạn của người ấy.
- Nguyên cơ giải tán hội.
- Thẻ lệ thanh toán và quy định tài sản hội.

● Điều thứ 8 quy định rằng hạn trong một tháng kể từ ngày được phép thành lập, nhân viên trong ban trị sự của hội phải đăng trong công báo Việt Nam hay trong Hành pháp Tập san tại các phần Việt Nam, một bản báo cáo nói rõ ngày được phép thành lập hội, nghị định do chức vụ nào ký, danh hiệu mục đích của hội và sở.

● Điều thứ 10 dự liệu rằng nếu có việc gì thay đổi trong việc trị sự của hội thì hạn trong 1 tháng phải trình cho Tỉnh trưởng, Thị trưởng, Quận trưởng Sài Gòn – Chợ Lớn để trình cho Thủ hiến và Tổng trưởng Bộ Nội vụ biết.

Những tờ khai ấy phải nói rõ:

- Những sự thay đổi trong nhân viên ban trị sự hay Giám đốc.
- Những doanh sở và chi nhánh mới thành lập.
- Những sự thay đổi về địa chỉ của hội sở.
- Những việc mua bán bất động sản và đính theo một tờ trình phác tả và kê giá mua, giá bán các bất động sản ấy.

Các sự thay đổi trong việc trị sự và điều lệ của hiệp hội phải biên rõ trong một cuốn sổ để tại trụ sở của hội và phải biên rõ ngày khai và ngày duyệt y các sự thay đổi ấy.

● Điều thứ 13 còn đặt ra một điều kiện khó khăn hơn : Các hiệp hội mỗi năm, trong tuần lễ sau khi hội họp đại hội thường niên, phải theo hệ thống cai trị, gửi cho Thủ hiến sở tại để chuyển lên Tổng trưởng Bộ Nội vụ hai bản danh sách các hội viên, và hai bản kê tình hình tài chánh và tự rõ các căn nguyên cùng việc sử dụng tiền tài của hội.

● Điều thứ 14 liên hệ đến các nguồn lợi tức và tài chánh của các hiệp hội: "Không hội nào có quyền trợ cấp của chính phủ, của các địa phương, quỹ hàng tỉnh và quỹ hàng xã, trừ những hội khoa học, mỹ nghệ, tiêu khiển, từ thiện, thanh niên và thể thao."  
Các hội đều có quyền thu và sử dụng tiền góp của hội viên và quyền thừa kiện tại tòa án.

Ngoài ra các hội chỉ có quyền chiếm hữu, tạo mãi, quản trị, đứng làm sở hữu chủ những bất động sản thật cần thiết để đạt mục đích của hội.

Những người có liên quan và công tố viên có quyền xin tòa án hủy bỏ những việc tạo mãi bất động sản trái với điều này. Bất động sản ấy sẽ đem bán đấu giá và được bao nhiêu tiền sẽ sung vào quỹ hội.

- Theo điều thứ 20, điều lệ của hội định rõ nghĩa vụ cùng quyền lợi của các hội viên. Người nào vào hội thì bắt buộc phải tuân theo điều lệ của hội.
- Các điều 25, 26 và 27 qui định về Đại hội đồng của hội: Đại hội đồng có quyền tuyệt đối trong hội. Đại hội đồng do những người thay mặt hội đứng chiêu tập. Sự chiêu tập cứ như điều lệ hoặc khi có một phần tư trong số hội viên thỉnh cầu mà làm. (Đ 25).

Đại hội đồng sẽ định đoạt về việc nhận hội viên vào hay trục xuất hội viên khỏi hội, cử các người thay mặt hội, kiểm soát việc làm của họ và có thể bãi nhiệm vụ của họ, nếu có duyên cớ chính đáng

Đại hội đồng xét xử mọi việc không thuộc về các cơ quan khác của hội. (Đ.26)

Hội viên nào cũng có quyền bỏ phiếu như nhau trong kỳ Đại hội đồng.

- Các điều 30, 31, 32 và 33 qui định chặt chẽ các hoạt động của hiệp hội và dự liệu các sự chế tài.

Sau khi hội đã được phép thành lập, ban trị sự phải trình chiếu nhà đương chức sở tại và Tổng trưởng bộ Nội vụ hay Thủ hiến, theo hệ thống cai trị, bản nội qui của hội và nếu sau này có điều gì sửa đổi cùng phải trình chiếu những sự sửa đổi ấy. (Đ.30)

Các hội đã được phép thành lập phải hoạt động theo đúng mục đích của hội đã tự trong điều lệ. Khi nào xét ra một hội đã quả thị trực tiếp hay gián tiếp theo những mục đích khác với mục đích trong điều lệ thì hội sẽ bị giải tán và các hội viên, nhân viên ban trị sự có thể bị truy tố tại tòa án. (Đ. 31)

Những hội không được phép thành lập thì coi như không có và tất cả những hoạt động của hội đều coi như vô hiệu lực và hội sở của hội ấy thuộc quản hạt tòa án tỉnh ấy có quyền giải tán.

Người nào cũng có quyền trình tòa án để xin giải tán các hội không được phép thành lập. (Đ. 32)

- Điều 33 dự liệu trong những hình phạt đối với những hội viên sáng lập, những hội viên giám đốc và quản trị không được phép thành lập hay đã được phép thành lập nhưng sau lại bị giải tán, mà vẫn cứ hoạt động hay lại tự tiện tự lập trái phép, hay đã hoạt động ra ngoài mục đích định trong điều lệ hội để đạt mục đích trái phép hay trái phong tục.... Trong những phong tục kể trên, hình phạt sẽ là phạt bạc 50 đồng đến 5.000 đồng và phạt giam từ 6 ngày cho đến 6 tháng.

Đối với hội viên thường, hình phạt từ 50 đồng tới 200 đồng và phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng hoặc một trong hai thứ hình phạt này.

Những người dung túng cho họp các hội không được phép thành lập hay bị giải tán cũng có thể bị phạt như trên. Tòa án khi truy tố sẽ giải tán hội.

- Điều 43 dự định rằng các nghiệp đoàn phải tuân theo sự quy định của Dự số 10. Các nghiệp đoàn đã thành lập rồi phải tạm ngưng hoạt động và trong thời hạn một tháng sẽ phải hợp thức hóa theo Dự số 10.

- Điều 44 quan trọng nhất vì người ta đã căn cứ vào điều này để áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo. Điều 44 quy định: “Chế độ đặc biệt cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự Hội sẽ ấn định sau.”

Vì điều 44 chỉ đề cập tới chế độ riêng biệt cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và các Lý sự Hội Hoa kiều nên Chính phủ Ngô Đình Diệm đã cho rằng Phật giáo – vì không nằm trong các trừ lệ kể trên - cũng bị Dự số 10 chi phối.

Nói khác, mặc dầu Dự số 10 do Bảo Đại ban hành từ tháng 8/1950, gần 4 năm trước khi Ngô Đình Diệm về chấp chánh, nhưng chính phủ Ngô Đình Diệm vẫn đem Dự ấy ra áp dụng cho các Hội Phật giáo, không thay đổi, coi Giáo hội cũng như các Hiệp hội thể thao hay từ thiện. Trong khi đó các hội Truyền giáo Gia Tô được biệt đãi vì điều 44 của Dự số 10 đã dự liệu quy chế các Hội này sẽ được dự liệu sau.

Phạm vi áp dụng Dự số 10

Tại sao lại đem áp dụng Dự số 10 về các Hiệp hội cho Giáo hội Phật giáo?

Dự số 10 đã minh bạch nêu rõ ngay trong nhan đề là “Dự quy định thể lệ lập hội”

Mặc dù trong điều thứ nhất, Dự số 10 có định nghĩa minh bạch: “Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là chia lợi tức, như mục đích thuộc về tế tự, tôn giáo...ta không thể nào coi các tổ chức Phật giáo như Tổng hội Phật Giáo Việt Nam là một hiệp hội thông thường giống như các hiệp hội khuyến khích văn hóa hay thể thao và bắt buộc tuân theo Dự số 10.

Ngay đối với các nghiệp đoàn, nhà làm luật 1950 cũng thấy cần phải minh thị ghi rõ trong điều 43 là các nghiệp đoàn cũng do Dự số 10 chi phối. Đối với các hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và các Lý Sự hội Hoa kiều (tức là các Bang Hoa kiều), nhà làm luật 1950 cũng ghi rõ sẽ qui định một chế độ riêng.



Đối với Phật giáo số dĩ nhà làm luật 1950 không ghi rõ là do Dự số 10 và chi phối, và cũng không bắt buộc hợp thức hóa như các nghiệp đoàn, vì sự thật đã quá hiển nhiên: Tự ngàn xưa các tổ chức Phật giáo không bao giờ là một hội. Dân chúng đến chùa đi lễ Phật, để nguyện cầu thoát khỏi bể khổ trần gian và vòng sinh hóa. Không một Phật tử nào có một ý nghĩ vào hội hay lập hội theo ý nghĩ thông thường phàm tục.

Đứng trên phương diện thuần túy pháp lý, phải có yếu tố chính yếu là ý muốn lập hội (Animus societatis hay affectio societatis) của các đương sự mới có thể nói đến hội. Thiếu yếu tố ấy như trong cộng đồng Phật tử, không thể nào nói đến hội hay hiệp hội.

Chính trong điều thứ nhất Dự số 10 đã định nghĩa minh bạch “Hội là Hiệp ước hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi một mục đích...” Ở đây trong các giáo hội hay các tổ chức trong Phật giáo, thiếu hẳn sự thỏa thuận lập hội trong tâm trí của các Phật tử, thì làm sao gọi được là hội để áp dụng Dự số 10? Bắt buộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải tuân theo Dự số 10 như một hội khuyến khích thể thao hay một hội văn hóa là một hành động ngu dốt của chính quyền.

Sở dĩ chúng tôi đã phân rõ nội dung những điều chính yếu của Dự số 10, chính là để chứng minh rằng sự quy định ấy không thể nào áp dụng cho Giáo hội Phật giáo.

Chúng tôi chỉ cần nêu một điểm hiển nhiên: Theo điều 13 “Các hội mỗi năm, trong tuần lễ sau khi họp đại hội đồng thường xuyên, phải theo hệ thống cai trị, gửi cho Thủ hiến sở tại để chuyển lên Tổng trưởng Bộ Nội Vụ hai bản danh sách các hội viên và hai bản kê khai tình hình tài chánh và tự rõ các căn nguyên cùng việc xử dụng các tiền tài của hội.”

Ai cũng rõ là các Phật tử gồm hơn 80% dân số. Nếu coi các Phật tử là hội viên của giáo hội và hàng năm phải gửi các danh sách lên Bộ Nội vụ, thật là một điều phiến nhiễu vô lý!

Tuy nhiên, chính phủ Ngô Đình Diệm vẫn công nhiên coi phạm vi áp dụng Dự số 10 bao gồm cả giáo hội Phật giáo.

Khi phái đoàn điều tra của tổ chức Liên Hiệp quốc được phái sang Việt Nam vào tháng 10 năm 1963, ông Bùi văn Lương, Bộ trưởng bộ Nội vụ, đã phải biện luận một cách gượng gạo như sau về sự áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo:

“Chúng tôi luôn luôn có một thái độ vô cùng cởi mở đối với những vấn đề tôn giáo và nhất là đối với Phật giáo. Nhiều điều khoản trong Dự, như sự bắt buộc phải khai báo với bộ Nội vụ danh sách những hội viên của chùa, của một ủy ban hay của một hội Phật giáo thường được làm ngor, nhất là tại các tỉnh. Cho đến 1960, thái độ dễ dãi ấy trở thành thông dụng, và khi tôi được bổ nhiệm giữ chức Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, thái độ ấy vẫn còn tiếp tục, và tôi không bắt thi hành một cuộc kiểm tra nào hết. Nhưng năm 1963, tôi tra cứu các sổ bộ và thấy sự hiện diện của một số chùa chiền và Phật giáo đồ, tôi mới nhận ra rằng thật

quả chúng tôi không thi hành Dự số 10! Những sổ bộ ghi chép bỏ dỡ dang, chúng tỏ rằng chúng tôi đã áp dụng Dự số 10 một cách tự do và mềm dẻo. Những ngôi chùa và những hội Phật giáo được thành lập mà không khai báo. Điều ấy có thể chấp nhận ở thôn quê nhưng ngay ở các đô thị và bộ Nội vụ cũng không có giấy tờ khai báo cả. Từ 1954 đến tháng 1/1963, chúng tôi không nhận được một đơn từ khiếu nại hay yêu cầu sửa đổi Dự số 10 nào cả. Tôi cần phải minh xác hai điểm sau đây. Chỉ vào tháng 5 năm nay (1963), trong khi vụ Phật giáo bùng nổ, tôi mới tra cứu sổ bộ để xem tổng số chùa chiền. Lúc ấy tôi mới nhận thấy rằng các sổ bộ không được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và có nhiều chùa và hội không được nhập bộ ngay ở các tỉnh....” (2)

Như vậy chính Bộ trưởng bộ Nội vụ cũng xác nhận rằng trước năm 1963, trong thực tế, Dự số 10 không áp dụng cho các chùa chiền và Phật giáo. Danh sách hội viên không được kê khai đầy đủ và bộ Nội Vụ cũng bỏ ngơ không bắt buộc phải gửi các danh sách đến chính quyền.

Sự thực như đã nêu rõ trên đây, đem áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo là một việc làm trái với mục đích và sự quy định của nhà làm luật 1950. Hơn nữa nếu quả Dự số 10 có một phạm vi áp dụng dẫn đến sự đối đãi các tôn giáo một cách bất bình đẳng, thì Dự số 10 vi hiến, trái với điều 17 của Hiến pháp 1956 dự liệu sự tự do tín ngưỡng mà chúng ta đã phân tách.

Thiếu tướng Trần Tử Oai, đại diện của chính phủ Ngô Đình Diệm, thuyết trình về vấn đề Phật giáo trước phái đoàn Liên Hiệp Quốc, cũng đã đề cập đến Dự số 10 và một quan điểm tương tự như Bộ trưởng Bộ Nội vụ: ....“Trong thực tế, chính phủ không áp dụng triệt để Dự số 10.”:

“Đối với những hội thuần túy Phật giáo, chính phủ cũng rất khoan hồng, bằng chứng là hàng trăm ngôi chùa được dựng lên mà không cho chính quyền biết chúng thuộc hội nào, cũng không trình điều lệ lập hội hay khai báo gì cả.

Những ngôi chùa ấy, mà sự thống nhất chỉ nằm trong danh từ Phật đà và cái y của nhà sư, thường thường không có một giây liên hệ gì với nhau hết. Hiện nay có nhiều chùa và nhiều giáo phái Phật giáo hoàn toàn khác nhau về phương diện thờ cúng và không thống thuộc gì với Tổng hội Phật giáo Việt Nam cả.

Trong thực tế, từ khi ban hành Dự số 10, chính phủ chỉ áp dụng những điều khoản trong văn kiện ấy đối với những hội tôn giáo mà những hoạt động có những tính cách hoạt động xã hội. như hoạt động của Phật giáo xã hội chẳng hạn. Chính phủ chưa bao giờ dùng dự ấy để nhằm mục đích kỳ thị tôn giáo nào hết.

Cũng nên ghi nhớ rằng từ năm 1950, nghĩa là từ 13 năm nay, không có một hội tôn giáo nào, Phật giáo hay Thiên Chúa giáo, gọi lên vấn đề liên quan đến căn bản của Dự số 10 nói trên.

Mặc dù thế, để đáp lại nguyện vọng của phái đoàn Phật giáo, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã chỉ thị cho ông Bộ trưởng Nội vụ tiếp xúc với cơ quan Lập pháp để nghiên cứu những sửa đổi cho Dự số 10, và Quốc hội đã thành lập một ủy ban đặc biệt có nhiệm vụ xem xét toàn diện vấn đề liên quan đến các hội truyền giáo.

Bản thuyết trình của Thiếu tướng Trần Tử Oai được thảo bằng Pháp văn và đã được trao tay cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc” (3)

Về vấn đề sửa đổi Dự số 10, Tổng trưởng Bộ Nội vụ đã cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc biết :”Từ 1956 đến 1959, chúng tôi đã trải qua hai Quốc hội Lập pháp, và trước khi vụ Phật giáo bùng nổ, chính phủ không được Quốc hội chuyển một dự án nào về sự sửa đổi Dự số 10. Cái nguồn xuất phát thứ hai của những sửa đổi là chính phủ. Muốn đề cập đến sự sửa đổi một đạo dụ hay không, phải chú ý đến hai điểm. Thứ nhất phải xem xét sự sửa đổi có cần thiết không, thứ hai phải có đơn thỉnh nguyện của dân chúng. Về điểm thứ nhất cho đến khi vụ Phật giáo bùng nổ trong tháng năm 1963, chúng tôi nhận thấy không cần thiết phải sửa đổi dự ấy vì mặc dù có những điều khoản rất nghiêm ngặt và sự dự trù kiểm soát rất chặt chẽ của nó đối với các hiệp hội, chính phủ chưa bao giờ áp dụng một cách nghiêm khắc...” (4)

Sự thực, việc áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo, dù là một sự áp dụng lỏng lẻo, cũng là một sai lầm vì Phật giáo cũng là một tôn giáo, không phải là một hiệp hội. Sở dĩ Dự số 10 được đem thi hành cho Phật giáo chỉ vì chính phủ muốn kiểm soát Phật giáo. Không những trên phương diện hiến pháp và pháp luật, chính phủ Ngô Đình Diệm đã ưu đãi Thiên Chúa giáo, thái độ này còn được phản ánh trong nhiều hành động khác.

Vũ Văn Mẫu

[Trích từ “Sáu tháng Pháp nạn”]

Dự số 10 " vũ khí pháp lý mà Chính quyền Độc tài Gia đình Ngô Đình Diệm sử dụng để đàn áp tất cả Tôn giáo ngoại trừ Da-Tô giáo và Tin Lành

Khôn chẳng qua lẽ, khôe chẳng qua lời! Những cán bộ Việt Cộng ẩn núp trong Giáo Hội PGVNTN trước năm 1963 và những tay sai Cộng Sản còn sót lại sau năm 1963 trong tổ chức này bị 3 cái "ù tắc" không chừa quây được: đó là Dự số 10, Bản Phúc trình của Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc chứng nhận không có kỳ thị đàn áp tôn giáo kể cả Phật Giáo dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa và hành vi đem Phật xuống đường của Thích Trí Quang.

Dự số 10 chỉ là một dụ bình thường có câu:

Điều 44 – Chế độ đặc biệt dành cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô, các Hoa Kiều Lý Sự Hội, sẽ được ấn định sau.

Lẽ ra, PGAQ phải tìm ra cái gọi là "chế độ đặc biệt là cái gì, đã ấn định chưa và ấn định như thế nào, có binh vực Công Giáo hay không? Có hợp lý hay không? Từ những chỗ đó mới chỉ trích, mạt sát và lên án chế độ Ngô Đình Diệm. Đảng này họ dẫu cái dụ số 10 này như mèo dẫu cứt. Vì điều 44 chẳng nói gì binh vực Công Giáo .

Có trách chẳng là trách những Vũ Văn Mẫu và những luật gia thân mật với Phật Giáo (nói chung) chính họ sẽ đưa ra một dự luật, một đề nghị hành pháp hoặc lập pháp để cho Phật Giáo không phụ thuộc vào Dự Số 10 nếu họ thấy dự đó không phù hợp với PG. Tại sao không làm? Tại vì làm ra mà hợp lý thì chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa sẽ chấp thuận. Hết có có tranh đấu, hơn nữa Phật giáo thời đó có nhiều ngành, nhiều phái sợ làm như vậy thì những giáo phái khác cũng có phần. Tội gì mà làm cho họ ăn. Dự số 10 do Bảo Đại ký từ năm 1950, không có ai kể cả những nhà sư trí thức, kể cả các luật gia có đạo Phật không yêu cầu sửa đổi hay bãi bỏ... Vũ Văn Mẫu và nhiều luật gia PG có thể làm điều đó, nên Đệ Nhất Cộng Hòa không sửa đổi lúc đó mới lấy

có bất công để đấu tranh. Đó là thủ tục pháp lý của Đệ Nhất Cộng Hòa cũng như của thế giới tự do. Căn cứ vào Dự số 10 để đấu tranh chỉ là gạt những người cuồng tín, hoặc không biết "cái dụ đó ra sao", mặt mũi thế nào "chỉ nghe thầy nói" là đấu tranh.

- Phái đoàn LHQ gồm 7 vị đều là những đại diện các Quốc Gia Phật Giáo. Họ được tự do đi lại, điều tra, phỏng vấn bất cứ ai, kể cả những người trong tù, hơn nữa, họ rời Việt Nam ngày 4.11.1963 tức là sau khi TT Ngô Đình Diệm bị ám sát dã man và đê hèn. Thế mà họ chứng nhận Không có đàn áp tôn giáo, Phật Giáo gì cả. Cái cần nói là chính Đại Diện Hoa Kỳ tại LHQ xin đừng phổ biến bản phúc trình này. Tại sao? Nếu đưa ra thì chính Phật Giáo bị đặt chuyện đàn áp Phật Giáo để lật đổ chính phủ hợp hiến, hợp pháp Ngô Đình Diệm dưới sự điều khiển của Hoa Kỳ và đồng tâm hiệp lực của Việt Cộng ẩn núp trong PGAQ.

Cái "ù tắc" thứ ba là đem bàn thờ Phật xuống đường, dùng như một thứ vũ khí chống lại Quân Đội VNCH di chuyển để đánh VC. Tất cả Phật Giáo Đờ Việt Nam cũng như ngoại quốc đều cho hành động này là phản bội Phật Giáo, làm ô nhục Phật Giáo, không coi trọng Đức Phật, lợi dụng ông như một thứ vũ khí.

Có thể thêm một cái nữa là tại sao sau năm 1963 vẫn đấu tranh? Tại vì chưa hạ được Miền Nam cho VC. Khổ cho Phật Giáo Ấn Quang, tưởng rằng có công như vậy, VC sẽ cho PGAQ nắm trọn PG từ Nam chí Bắc. Đây là một cái lầm vĩ đại của những người Phật giáo đấu tranh, phá hoại miền Nam. Phật giáo quốc doanh miền Bắc đã theo VC bao lâu, nay đến lúc thu hoạch còn PG miền Nam, dù sao cũng là "của ngy" làm sao mà tranh công được? Kết quả ra sao ai cũng thấy rồi.

Ai cho rằng PGAQ chỉ lo Phật pháp, hãy "vượt qua được mấy cái "ụ cản đường nói trên đi

**Lê Văn Ấn**  
6/11/2012

Nguồn: [https://groups.google.com/g/soc.culture.vietnamese/c/y\\_H9QVQNtaU?pli=1](https://groups.google.com/g/soc.culture.vietnamese/c/y_H9QVQNtaU?pli=1)

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

